

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	CHỈ TIÊU	TM	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	Thu nhập lãi & các khoản thu nhập tương tự	V14	12.047,928,622,509	5,905,752,421,630	12,047,928,622,509	5,905,752,421,630
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	V15	7,847,003,676,853	3,656,357,341,894	7,847,003,676,853	3,656,357,341,894
I	Thu nhập lãi thuần		4,200,924,945,656	2,249,395,079,736	4,200,924,945,656	2,249,395,079,736
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		460,335,645,539	365,251,445,154	460,335,645,539	365,251,445,154
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		72,502,711,889	49,181,404,894	72,502,711,889	49,181,404,894
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động D/vụ		387,832,933,650	316,070,040,260	387,832,933,650	316,070,040,260
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động KD ngoại hối		154,100,274,628	125,592,056,621	154,100,274,628	125,592,056,621
IV	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	V16	(5,266,293,808)	12,403,318,060	(5,266,293,808)	12,403,318,060
V	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	V17	7,546,304,145	(7,069,440,280)	7,546,304,145	(7,069,440,280)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		328,140,118,840	92,202,358,716	328,140,118,840	92,202,358,716
6	Chi phí hoạt động khác		57,830,771,738	43,152,599,671	57,830,771,738	43,152,599,671
VI	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác		270,309,347,102	49,049,759,045	270,309,347,102	49,049,759,045
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	V18	67,417,079,827	753,708,100	67,417,079,827	753,708,100
VIII	Chi phí hoạt động	V19	1,938,012,794,695	1,293,616,441,716	1,938,012,794,695	1,293,616,441,716
IX	Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng		3,144,851,796,505	1,452,578,079,826	3,144,851,796,505	1,452,578,079,826
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1,983,019,846,405	281,465,075,792	1,983,019,846,405	281,465,075,792
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1,161,831,950,100	1,171,113,004,034	1,161,831,950,100	1,171,113,004,034
7	Chi phí thuế thu nhập hiện hành		164,690,348,189	183,380,383,200	164,690,348,189	183,380,383,200
8	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		164,690,348,189	183,380,383,200	164,690,348,189	183,380,383,200
XIII	Lợi nhuận sau thuế		997,141,601,911	987,732,620,834	997,141,601,911	987,732,620,834
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số		1,235,431,354	3,506,857,558	1,235,431,354	3,506,857,558
XV	Lợi nhuận thuần sau thuế của Chủ sở hữu (= XIII – XIV)		995,906,170,557	984,225,763,276	995,906,170,557	984,225,763,276

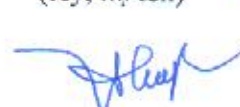
Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2011

Lập bảng
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Lan Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Chung

KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

